

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,851,576,792,402	1,648,757,270,442
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21,497,026,442	294,581,518,046
1. Tiền	111		21,497,026,442	278,081,518,046
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	16,500,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		423,716,296,390	219,548,828
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	423,716,296,390	219,548,828
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		637,492,425,346	701,228,317,725
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	494,804,146,329	635,444,345,666
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	129,287,233,044	60,475,846,820
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	13,401,045,973	5,308,125,239
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		703,831,518,969	612,818,789,833
1. Hàng tồn kho	141	V.6	749,327,461,927	658,314,732,791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(45,495,942,958)	(45,495,942,958)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		65,039,525,255	39,909,096,010
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	608,628,165	799,579,015
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26,067,141,379	11,959,407,847
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	251,970,546	608,007,853
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	38,111,785,165	26,542,101,295

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		560,056,967,844	505,117,055,193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		365,551,552,113	362,753,678,903
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	286,632,917,391	303,091,877,024
<i>Nguyên giá</i>	222		523,870,228,427	511,253,604,274
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(237,237,311,036)	(208,161,727,250)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	63,662,546,045	52,810,335,443
<i>Nguyên giá</i>	228		64,995,774,840	54,023,222,540
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,333,228,795)	(1,212,887,097)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	15,256,088,677	6,851,466,436
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		125,543,242,690	86,155,242,690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	125,543,242,690	86,155,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		68,962,173,041	56,208,133,600
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	67,764,975,401	55,010,935,960
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	1,197,197,640	1,197,197,640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,411,633,760,246	2,153,874,325,635



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,199,894,835,018	997,937,469,310
I. Nợ ngắn hạn	310		1,197,135,998,270	995,121,693,562
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	885,046,189,920	584,642,951,256
2. Phải trả người bán	312	V.18	44,123,623,048	152,404,923,307
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	5,756,651,213	6,157,619,827
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	53,730,858,303	36,019,514,987
5. Phải trả người lao động	315	V.21	28,426,358,572	33,135,154,032
6. Chi phí phải trả	316	V.22	3,114,850,000	2,589,210,652
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	90,419,749,489	117,425,281,687
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.24	34,000,000,000	34,000,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	52,517,717,725	28,747,037,814
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,758,836,748	2,815,775,748
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	2,758,836,748	2,815,775,748
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,211,738,925,228	1,155,936,856,325
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,211,738,925,228	1,155,936,856,325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	475,112,730,000	471,512,730,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.27	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	583,031,410,583	530,829,341,680
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,411,633,760,246	2,153,874,325,635

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		527,696.52	13,063,263.22		
Euro (EUR)		290.16	295.39		
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ II/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ II		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	849,985,123,136	827,395,703,079	1,732,061,498,828	1,628,113,789,338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	556,458,303	7,734,337,202	712,555,243	7,786,594,277
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	849,428,664,833	819,661,365,877	1,731,348,943,585	1,620,327,195,061
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	737,306,713,849	644,215,159,665	1,519,888,417,017	1,326,355,278,095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112,121,950,984	175,446,206,212	211,460,526,568	293,971,916,966
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	17,067,164,905	46,716,933,927	28,502,443,238	82,661,798,730
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7,434,653,860	23,624,988,732	27,207,827,796	40,880,110,051
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6,419,421,993	10,477,640,114	21,888,933,639	19,188,664,439
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	49,841,948,076	41,866,788,620	91,784,069,557	84,162,887,486
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10,363,443,552	7,803,350,037	18,233,534,233	12,611,612,044
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		61,549,070,401	148,868,012,750	102,737,538,220	238,979,106,115
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6,077,979,195	86,934,386	6,114,630,550	201,743,986
12. Chi phí khác	32	VI.8	243,914,286	930,089,751	1,039,881,647	2,421,400,584
13. Lợi nhuận khác	40		5,834,064,909	(843,155,365)	5,074,748,903	(2,219,656,598)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67,383,135,310	148,024,857,385	107,812,287,123	236,759,449,517
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	12,128,964,356	23,441,951,757	19,406,211,682	39,414,178,341
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55,254,170,954	124,582,905,628	88,406,075,441	197,345,271,176
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9				

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		107,812,287,123	236,759,449,517
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, V.12	29,195,925,484	28,853,187,915
- Các khoản dự phòng	03		-	12,797,806,452
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	3,969,330,651	(25,380,067,740)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	21,888,933,639	19,188,664,439
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		162,866,476,897	272,219,040,583
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7,575,517,296)	(126,325,415,415)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(91,012,729,136)	(39,947,036,147)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(135,722,409,089)	(89,112,944,681)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12,563,088,591)	(22,208,458,989)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(22,759,220,101)	(19,188,664,439)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(1,506,890,065)	(41,284,606,861)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.25	3,149,097,000	89,350,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13,182,423,627)	(6,442,688,108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(118,306,704,008)	(72,201,424,057)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11, V.12, V.13, VII	11,673,051,953	(45,840,742,973)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(423,510,123,274)	(130,113,065,763)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	65,704,837,567
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(39,388,000,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	(3,969,330,651)	20,067,407,949
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(455,194,401,972)	(90,181,563,220)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.27	-	(5,487,904,737)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	1,299,175,063,440	849,908,920,767
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(999,195,457,968)	(766,773,350,337)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		299,979,605,472	77,647,665,693
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(273,521,500,508)	(84,735,321,584)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	294,581,518,046	111,656,276,573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		437,008,904	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	21,497,026,442	26,920,954,989



Nguyễn Thị Kim Đào
 Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Trương Thị Lệ Khanh
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	4.485.517.080	2.223.321.999
Tiền gửi ngân hàng	17.011.509.362	275.858.196.047
Các khoản tương đương tiền (*)	-	16.500.000.000
Cộng	<u>21.497.026.442</u>	<u>294.581.518.046</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	423.716.296.390	219.548.828
Cộng	<u>423.716.296.390</u>	<u>219.548.828</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	15.016.326.605	25.956.342.050
Các khách hàng nước ngoài	479.787.819.724	609.488.003.616
Cộng	<u>494.804.146.329</u>	<u>635.444.345.666</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định	9.735.697.771	45.527.289.051
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	119.551.535.273	14.948.557.769
Cộng	<u>129.287.233.044</u>	<u>60.475.846.820</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - thu hộ tiền hàng	12.843.317.022	-
Phải thu khác	557.728.951	5.308.125.239
Cộng	<u>13.401.045.973</u>	<u>5.308.125.239</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	31.636.919.731	47.902.152.330
Công cụ, dụng cụ	3.640.450.079	2.929.580.624
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.212.523.062	327.069.614.956
Thành phẩm	336.771.005.980	236.007.052.525
Hàng hóa	66.563.075	63.204.912
Hàng gửi bán	-	44.343.127.444
Cộng	<u>749.327.461.927</u>	<u>658.314.732.791</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thành phẩm	45.495.942.958	45.495.942.958
Cộng	45.495.942.958	45.495.942.958

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu kỳ	799.579.015
Tăng trong kỳ	560.685.000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(751.635.850)
Số cuối kỳ	608.628.165

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	(251.970.546)	(608.007.853)
Cộng	(251.970.546)	(608.007.853)

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	35.411.785.165	25.042.101.295
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.700.000.000	1.500.000.000
Cộng	38.111.785.165	26.542.101.295

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	159.316.301.847	43.139.611.735	7.943.965.222	853.725.470	511.253.604.274
Tăng trong kỳ	1.996.181.550	7.338.760.784	2.963.531.819	318.150.000	12.616.624.153
<i>Đầu tư xây dựng cơ</i>	<i>1.127.636.700</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.127.636.700</i>
<i>Mua sắm mới</i>	<i>868.544.850</i>	<i>7.338.760.784</i>	<i>2.963.531.819</i>	<i>318.150.000</i>	<i>11.488.987.453</i>
Giảm trong năm					-
Số cuối năm	161.312.483.397	350.478.372.519	10.907.497.041	1.171.875.470	523.870.228.427
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	34.735.684.824	168.900.244.587	3.769.459.188	756.338.651	208.161.727.250
Khấu hao trong năm	6.173.196.110	22.287.439.753	532.517.466	82.430.457	29.075.583.786
Thanh lý, nhượng bán					-
Số cuối năm	40.908.880.934	191.187.684.340	4.301.976.654	838.769.108	237.237.311.036
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	124.580.617.023	174.239.367.148	4.174.506.034	97.386.819	303.091.877.024
Số cuối năm	120.403.602.463	159.290.688.179	6.605.520.387	333.106.362	286.632.917.391

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và là 306.348.338.881 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	53.482.992.750	540.229.790	54.023.222.540
Mua trong năm	10.837.552.300	135.000.000	10.972.552.300
Số cuối năm	64.320.545.050	675.229.790	64.995.774.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	716.928.747	495.958.350	1.212.887.097
Khấu hao trong năm	104.916.402	15.425.296	120.341.698
Số cuối năm	821.845.149	511.383.646	1.333.228.795
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	52.766.064.003	44.271.440	52.810.335.443
Số cuối năm	63.498.699.901	163.846.144	63.662.546.045

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Mua sắm TSCĐ	81.000.000	54.000.000	(135.000.000)	-
XDCB dở dang	6.770.466.436	9.673.258.941	(1.187.636.700)	15.256.088.677
<i>Chi phí đào ao nuôi cá</i>	<i>5.211.443.396</i>	<i>9.287.372.198</i>	<i>(1.187.636.700)</i>	<i>13.311.178.894</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>1.559.023.040</i>	<i>385.886.743</i>	<i>-</i>	<i>1.944.909.783</i>
Cộng	6.851.466.436	9.727.258.941	(1.322.636.700)	15.256.088.677

14. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾	6.945.375	52.003.709.506	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾		64.586.000.000		25.500.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv)		302.000.000		-
Cộng		125.543.242.690		86.155.242.690

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần 1 ngày 17/04/2012, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 là 79.300.000.000 VND, tương đương 99,13% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1401493918 ngày 21 tháng 09 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần 1 ngày 17/04/2012, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ..

15. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu kỳ	55.010.935.960
Tăng trong kỳ	19.000.008.438
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(6.245.968.997)
Số cuối kỳ	67.764.975.401

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Ngân hàng NATEXIS BANQUES POPULAIRES	52.125.000.000	-
- Ngân hàng HSBC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	20.828.000.000	-
- Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	177.370.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	16.500.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	812.093.189.920	390.772.951.256
Cộng	885.046.189.920	584.642.951.256

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

Số đầu năm	584.642.951.256
Số tiền vay phát sinh	1.299.175.063.440
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	426.297.943
Số tiền vay đã trả	(999.195.457.968)
Số cuối năm	885.046.189.920

18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các nhà cung cấp trong nước	42.727.107.446	146.321.780.908
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.396.515.602	6.083.142.399
Cộng	44.123.623.048	152.404.923.307

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng trong nước	1.399.792.559	883.576.990
Các khách hàng nước ngoài	4.356.858.654	5.274.042.837
Cộng	<u>5.756.651.213</u>	<u>6.157.619.827</u>

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	433.708	7.380.560.283	(7.380.993.991)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(608.007.853)	1.564.430.619	(1.208.393.312)	(251.970.546)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.752.966.096	19.406.211.682	(1.506.890.065)	52.652.287.713
Thuế thu nhập cá nhân	1.266.115.183	1.928.188.533	(2.115.733.126)	1.078.570.590
Các loại thuế khác	-	486.910.956	(486.910.956)	-
Cộng	<u>35.411.507.134</u>	<u>30.766.302.073</u>	<u>(12.698.921.450)</u>	<u>53.478.887.757</u>

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng qui mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 01 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 04 năm tiếp theo.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 06 và tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Chi phí lãi vay		870.286.462
Chi phí khác	3.114.850.000	1.718.924.190
Cộng	<u>3.114.850.000</u>	<u>2.589.210.652</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ tức phải trả	58.448.500	58.448.500
Kinh phí công đoàn	3.176.972.766	2.598.818.514
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.130.565.068	1.106.300.846
Các khoản phải trả tiền hàng ủy thác xuất khẩu, phải thu khác	85.053.763.155	113.661.713.827
Cộng	<u>90.419.749.489</u>	<u>117.425.281.687</u>

24. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	26.307.104.789	24.717.147.527	(6.253.200.008)	44.771.052.308
Quỹ phúc lợi	2.439.933.025	7.944.132.011	(2.637.399.619)	7.746.665.417
Cộng	<u>28.747.037.814</u>	<u>32.661.279.538</u>	<u>(8.890.599.627)</u>	<u>52.517.717.725</u>

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu kỳ	2.815.775.748
Số chi trong kỳ	(56.939.000)
Số cuối kỳ	<u>2.758.836.748</u>

27. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ	471.512.730.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	530.829.341.680	1.155.936.856.325
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	3.600.000.000	-		(3.600.000.000)	-
Trích quỹ trong kỳ				(32.604.006.538)	(32.604.006.538)
Lợi nhuận trong kỳ			-	88.406.075.441	88.406.075.441
Số dư cuối kỳ	<u>475.112.730.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>583.031.410.583</u>	<u>1.211.738.925.228</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.151.273
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.151.273
- Cổ phiếu phổ thông	47.151.273
- Cổ phiếu ưu đãi	
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.198.750
- Cổ phiếu phổ thông	1.198.750
- Cổ phiếu ưu đãi	

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.952.523
- Cổ phiếu phổ thông	45.952.523
- Cổ phiếu ưu đãi	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Tổng doanh thu	1.732.061.498.828	1.628.113.789.338
- Doanh thu bán hàng hóa	252.954.152.368	381.973.017.724
- Doanh thu bán thành phẩm	1.185.831.825.184	1.023.553.771.154
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027
- Doanh thu nguyên vật liệu	10.687.712.312	2.527.524.404
- Doanh thu phế phẩm	260.341.440.682	199.732.840.029
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(712.555.243)	(7.786.594.277)
- Giảm giá hàng bán	(192.556.203)	(67.191.505)
- Hàng bán bị trả lại	(519.999.040)	(7.719.402.772)
Doanh thu thuần	<u>1.731.348.943.585</u>	<u>1.620.327.195.061</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	252.910.538.505	380.980.220.559
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.185.162.883.804	1.016.759.974.042
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	22.246.368.282	20.326.636.027
- Doanh thu thuần nguyên vật liệu	10.687.712.312	2.527.524.404
- Doanh thu thuần phế phẩm	260.341.440.682	199.732.840.029

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Giá vốn của hàng hóa	232.423.713.767	347.037.338.935
Giá vốn của thành phẩm	1.027.991.133.353	794.327.838.464
Giá vốn của nguyên vật liệu	9.502.413.011	2.826.789.113
Giá vốn của phế phẩm	249.971.156.886	169.365.505.131
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	12.797.806.452
Cộng	<u>1.519.888.417.017</u>	<u>1.326.355.278.095</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ</u>	
	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	923.344.152	5.927.850.017
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	215.736.098	200.749.597

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.492.506.000	11.326.166.719
Lãi cho vay	-	7.460.162.432
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu	3.045.986.499	665.888.572
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.824.870.489	57.080.981.393
Cộng	28.502.443.238	82.661.798.730
4. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí lãi vay	21.888.933.639	19.188.664.439
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.318.894.157	21.691.445.612
Cộng	27.207.827.796	40.880.110.051
5. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	3.175.977.600	2.292.791.713
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	254.101.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	27.220.290	47.872.045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.411.250.472	46.012.956.130
Chi phí khác	33.169.621.195	35.555.166.598
Cộng	91.784.069.557	84.162.887.486
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nhân viên	8.816.263.459	5.651.796.826
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	606.086.874	487.969.464
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.602.504.083	1.677.399.420
Thuế, phí và lệ phí	294.135.543	1.093.637.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.012.658	360.159.250
Chi phí khác	6.224.531.616	3.340.649.745
Cộng	18.233.534.233	12.611.612.044
7. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Thu nhập khác	6.114.630.550	201.743.986
Cộng	6.114.630.550	201.743.986

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí khác	1.039.881.647	2.421.400.584
Cộng	1.039.881.647	2.421.400.584

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
<i>Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc</i>	
Mua nguyên vật liệu	12.357.001.740
<i>Các cá nhân có liên quan</i>	
Mua nguyên vật liệu	10.030.258.280

Tại ngày 30/06/2012, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công nợ phải thu:		
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	21.613.950.594	19.663.800.251
Các cá nhân có liên quan	-	1.478.594.520
Cộng nợ phải thu	21.613.950.594	21.142.394.771

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>	
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	188.411.212.940
Mua hàng hóa, dịch vụ	476.624.161.740

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2**

Cung cấp dịch vụ

31.187.848

Nhận xuất khẩu ủy thác

30.072,97 USD

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)

Bán thành phẩm, hàng hóa

28.618.696,03 USD

Bán hàng ủy thác xuất khẩu

7.065.729,65 USD

Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

382.146.626

Giá trị hàng ủy thác xuất khẩu

251.129,35 USD

Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất

9.042.606.063

Nhận xuất khẩu ủy thác

298.423,34 USD

Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang

Bán nguyên liệu, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

25.249.256.445

Mua hàng hóa, dịch vụ, bao bì, hóa chất

42.861.534.473

Nhận xuất khẩu ủy thác

13.789.574,53 USD

Tại ngày 30/06/2012, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải thu tiền thu hộ	12.843.317.022	-
Ứng trước tiền hàng	(48.824.247.866)	-
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải thu tiền hàng	10.029.674,83 USD	20.908.215,05 USD
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		
Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu	21.725,15 USD	231.596,05 USD
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang		
Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu	-	163.276.785
Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2		
Phải thu tiền phí ủy thác xuất khẩu	34.306.632	
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1		
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	49.942.012.524
Phải trả tiền thu hộ	-	1.107.980.234
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)		
Phải trả khác	7.760 USD	7.760 USD
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mua hàng	2.391.391.822	2.692.462.513
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	47.885,90 USD	102.466,83 USD
 <i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Tiền mua hàng	3.282.258.258	
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	3.749.944,97 USD	5.190.182,89 USD
 <i>Công ty TNHH Lương Thực Vĩnh Hoàn 2</i>		
Tiền hàng xuất khẩu ủy thác	30.072,97 USD	-

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 07 năm 2012



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc